TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK TÔ** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**07**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-6-2023.
V/v "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK TÔ – TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoa Như.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông A Bông;
2. Bà Hoàng Thị Thanh Hải;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh KonTum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện Đ, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần V, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại phiên toà nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh KonTum vào năm 2018. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng có phát sinh một số vấn đề về sinh hoạt hằng ngày, về tình cảm riêng tư mà chúng tôi không nói chuyện với nhau được. Từ tháng 8/2020

đến nay, chúng tôi đã sống ly thân. Khoảng tháng 2/2022, tôi đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn 01 lần, tuy nhiên tôi đã rút đơn để hai vợ chồng cùng có cơ hội hàn gắn, sửa chữa. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, tình trạng hôn nhân của chúng tôi vẫn không hề được cải thiện. Chúng tôi có 01 người con chung là Trần Tiểu H băng, sinh ngày 09/11/2018. Cháu đang được tôi nuôi dưỡng và chăm sóc.

Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi đề nghị được quyền nuôi con và yêu cầu anh Trần Vũ cấp d nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – anh Trần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc xin ly hôn. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83,107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Vũ .

- Về con chung: Giao con Trần Tiểu Hạ B, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V và được

quyền nuôi con. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh KonTum.

Bị đơn - anh Trần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc xin ly hôn. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Chị T đã không còn tình cảm với anh V, đã gửi hồ sơ ly hôn đến Tòa án vào tháng 02/2022 nhưng rút đơn để đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Trần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về việc xin ly hôn, thể hiện ý chí không xây dựng hôn nhân gia đình hạnh phúc.

Xét thấy, trong quá trình chung sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên xử cho chị Trần Thị Ngọc T ly hôn với anh Trần Vũ .

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc T nhận nuôi con Trần Tiểu Hạ B. Cháu B là con gái đang sinh sống ổn định với chị T; anh V không quan tâm đến hôn nhân gia đình. Xem xét các điều kiện cũng như nguyện vọng của chị T, xét nên giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng /tháng của nguyên đơn, xem xét các điều kiện thực tế sinh sống, nhu cầu thiết yếu của trẻ em tại thị trấn Đ cũng như mức giá cả sinh hoạt hằng ngày, mức tăng lương tối thiểu. Yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 , điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" của chị Trần Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Vũ .

Về con chung: Giao con chung Trần Tiểu Hạ B, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Vũ p cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Trần Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành mà anh Trần Vũ c trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền trên.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 18, Điều 19, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001523 ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Chị Trần Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Trần V phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(28/6/2023); Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hoa Như

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TAND HUYỆN ĐĂK TÔ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**